

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **56** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-03-2022
“V/v Ly hôn, nuôi con, chia TS chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng
Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/03/2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Kim Q, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Đoàn Văn T (D)- sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Phan Văn N và Phan Thị Hằng N; Cùng địa chỉ: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bùi Thị K – 88 tuổi – địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (bà K yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2019 chị Q và anh T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (tại giấy chứng nhận kết hôn số 91/2019 ngày 04.09.2019). Thời kỳ chung sống giữa chị Q và anh T có 01 con chung tên: Đoàn Chí Thiện, sinh ngày 24/11/2018. Con hiện nay chị Q đang nuôi dạy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân hơn một năm. Nay yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn T, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: Chị Q yêu cầu chia các tài sản sau:

1/ Đối với 02 chỉ vàng 24k chuộc đất của ông Bé: Yêu cầu chia đôi, ông T đang quản lý đất nên anh T có trách nhiệm giao chị Q 01 chỉ vàng 24k.

2/ Một tủ thờ trị giá 4.500.000đ, yêu cầu chia đôi; anh T quản lý tài sản nên anh T có trách nhiệm giao chị Q 2.250.000 đồng.

3/ Một giường ngủ trị giá 1.000.000đ, yêu cầu chia đôi, anh T quản lý tài sản nên anh T giao chị Q 500.000 đồng.

4/ Tiền đôi một xe máy 8.000.000đ, yêu cầu chia đôi, giá còn lại 6.400.000đ; anh T đang quản lý xe Nouvosx, nên anh T có trách nhiệm giao chị Q 3.200.000 đồng.

5/ 02 máy dầu bơm nước mỗi người nhận 01 cái (mỗi máy trị giá 1.000.000đ), anh T đang quản lý 02 máy dầu bơm nước nên anh T có trách nhiệm giao chị Q 01 máy.

6/ Nhà ở ấp 4, xã Khánh Bình: Chị Q trình bày vợ chồng bỏ ra số tiền sửa nhà là 25.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi số tiền này. Tại phiên tòa chị Q đồng ý giá trị tiền sửa nhà còn lại là 20.000.000 đồng, yêu cầu anh T giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị tiền sửa nhà là 10.000.000 đồng.

7/ Đối với các tài sản: Tiền mua điện thoại 5.000.000đ, tiền mua Bộ salong 9.500.000đ, tiền thu hoạch cá 50.000.000đ, tiền bán lúa vụ đông xuân 20.000.000đ, tiền trả tiền ông Lộc bán phân bón ở Rạch Cui 16.300.000đ; tiền bù đất 20.000.000 đồng, tại đơn khởi kiện chị Q có yêu cầu chia đôi, tuy nhiên tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị Q thay đổi yêu cầu, chị không yêu cầu chia đôi với các tài sản này.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu.

+ Đối với các tài sản mà T trình bày: Chị Q xác định như sau:

1/ Máy KUBOTA và hộp số mua của ông 2 Việt: Chị Q cho rằng máy này tự chị Q mua, là tài sản riêng của chị Q, việc mua bán không làm giấy tờ.

2/ Bình ắc quy: Mua năm 2018, giá 2,2 triệu hiện do Nghị quản lý.

3/ Nhà ở ấp 19/5 xã Khánh Bình: Theo biên bản định giá ngày 26/11/2021,

giá trị nhà được định giá là: 62.090.000 đồng. Chị Q xác định nhà này được cất từ tiền của chồng trước chị Q để lại, cất nhà cho 02 con là Nghị, N ở.

4/ Một xe gắn máy trị giá 42.000.000đ, chị Q xác định đây là tài sản riêng của N, không phải tài sản chung của vợ chồng.

5/ Tiền sửa chữa phà 10.000.000đ, không phải tiền của chị Q mà do T và Nghị tự bỏ tiền ra sửa.

6/ Tiền thuê bến phà 8.000.000đ, đây là tiền riêng của chị.

7/ Chị Q không thừa nhận quản lý 01 chiếc khâu 1,5 chỉ vàng 18k, 01 chiếc lắc 3,5 chỉ vàng 18k; tổng 05 chỉ vàng 18k.

- **Đối với bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày tại đơn yêu cầu phản tố và biên bản hòa giải tại Tòa:** Thừa nhận vợ chồng kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Đoàn Chí Thiện, sinh ngày 24/11/2018, con hiện nay vợ đang nuôi dạy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân hơn năm nay. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị Q, đồng ý giao con chung cho chị Q nuôi và đồng ý cấp dưỡng theo quy định của nhà nước.

+ *Về tài sản chung: Thống nhất chia các tài sản sau:*

1/ Đối với 02 chỉ vàng 24k chuộc đất của ông Bé: Đồng ý chia đôi, đồng ý giao chị Q 01 chỉ vàng 24k.

2/ Một tủ thờ trị giá 4.500.000đ, đồng ý giao chị Q 2.250.000 đồng.

3/ Một giường ngủ trị giá 1.000.000đ, chia đôi, anh T quản lý tài sản, đồng ý giao chị Q 500.000 đồng,

4/ Tiền đổi xe 8.000.000đ: Thống nhất giá còn lại là 6.400.000đ; anh T được quản lý chiếc xe Nouvosx, anh T đồng ý giao chị Q 3.200.000 đồng.

5/ 02 máy dầu mỗi người nhận 01 cái, anh T đồng ý giao chị Q 01 máy.

6/ Nhà ở ấp 4, xã Khánh Bình: Tại biên bản thẩm định, anh T thống nhất tiền sửa nhà là 25.000.000 đồng, nhưng anh không đồng ý chia; sau đó anh T yêu cầu định giá lại.

- *Ngoài ra, T còn yêu cầu phản tố, yêu cầu chia các tài sản như sau:*

1/ Máy KUBOTA và hộp số mua của ông 2 Việt.

2/ Bình ắc quy: Mua năm 2018, giá 2.200.000đ.

3/ Nhà ở ấp 19/5 xã Khánh Bình: Theo biên bản định giá ngày 26/11/2021, giá trị nhà được định giá là: 62.090.000 đồng.

4/ Một xe gắn máy trị giá 42.000.000đ.

5/ Tiền sửa chữa phà 10.000.000đ.

6/ Tiền thuê bến phà 8.000.000đ.

7/ Yêu cầu chị Q trả lại 01 chiếc khâu 1,5 chỉ vàng 18k, 01 chiếc lắc 3,5 chỉ vàng 18k; tổng 05 chỉ vàng 18k.

+ Về nợ chung: Tự chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn tạm ngừng phiên tòa, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19, nên Viện kiểm sát không kiến nghị.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim Q

Về con chung : Giao cho chị Q nuôi cháu Thiện, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Buộc anh Đoàn Văn T (D) có trách nhiệm giao lại cho chị Q giá trị tài sản như sau: 01 chỉ vàng 24k; 2.250.000 đồng tiền tử thờ, 500.000 đồng tiền cái giường ngủ, 3.200.000 đồng tiền đổi xe, 1 cái máy dầu bơm nước và 10.000.000 đồng tiền sửa nhà. Anh T được nhận tài sản gồm: 01 chỉ vàng 24k, 01 tử thờ, 01 cái giường ngủ, 01 chiếc xe máy, 01 máy dầu bơm nước và 10.000.000 đồng tiền sửa nhà.

Đối với yêu cầu phản tố của anh T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu phản tố của anh T yêu cầu chia đôi các tài sản sau: Giá trị nhà ở ấp 19/5 xã Khánh Bình, tiền mua bình ắc quy, tiền mua máy chạy phà, tiền sửa phà, tiền thuê bến phà và yêu cầu đòi chị Q trả lại 05 chỉ vàng 18K.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án*: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục*: Bà K yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà K và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn*: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiền bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị Q và anh T không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q đã xác định không thể hàn gắn được, cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại và chị Q thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn với chị Q. Xét thấy việc tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh T không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về con chung*: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy các cháu: Đoàn Chí Thiện, sinh ngày 24/11/2018 , anh T đồng ý giao cho chị Q nuôi. Xét thấy cháu Thiện hiện nay đang được chị Q nuôi dạy và chị Q cũng xác định đủ điều kiện nuôi dạy cháu. Do đó, cần giao cháu Thiện cho chị Q nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về yêu cầu cấp dưỡng*: Chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Thiện theo quy định của pháp luật. Tại biên bản hòa giải anh T cũng thống nhất cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu Thiện mỗi tháng là 1.000.000 đồng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] *Xét về tài sản chung*:

* Đối với yêu cầu chia tài sản của chị Q:

- Tại biên bản hòa giải chị Q và anh T đã thống nhất thỏa thuận chia các tài sản, tại phiên tòa anh T cũng không có văn bản phản đối về việc chia các tài sản này. Do đó, các tài sản được phân chia như sau:

1/ Đối với 02 chỉ vàng 24k chuộc đất của ông Bé: Các bên thống nhất chia đôi, anh T có trách nhiệm giao chị Q 01 chỉ vàng 24k, anh T được quản lý 01 chỉ vàng 24k.

2/ Một tủ thờ trị giá 4.500.000đ, anh T được quản lý tủ thờ, anh T có trách nhiệm giao chị Q 2.250.000 đồng.

3/ Một giường ngủ trị giá 1.000.000đ, anh T quản lý giường ngủ, anh T có trách nhiệm giao chị Q 500.000 đồng.

4/ Tiền đổi xe máy, chị Q và anh T thống nhất giá trị còn lại là 6.400.000đ; anh T được quản lý chiếc xe Nouvosx, anh T có trách nhiệm giao cho chị Q 3.200.000đ.

5/ 02 máy dầu bơm nước mỗi người nhận 01 cái, anh T quản lý 01 cái máy dầu; còn lại 01 cái máy dầu, anh T có trách nhiệm giao chị Q 01 máy dầu bơm nước.

6/ Riêng đối với tiền sửa nhà ở ấp 4, xã Khánh Bình, chị Q yêu cầu chia đôi số tiền 25.000.000đ. Tại phiên tòa chị Q đồng ý giá trị tiền sửa nhà còn lại 20.000.000 đồng, yêu cầu anh T giao lại ½ giá trị tiền sửa nhà là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh T không đồng ý. Xét thấy, tại biên bản xem xét thẩm định (BL 61), chị Q và anh T thống nhất tiền chi phí sửa nhà là 25.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2021 anh T không thống nhất giá này và yêu cầu định giá lại, Tòa án có quy định trong thời gian 7 ngày kể từ ngày 29/11/2021 anh T có đơn yêu cầu xem xét thẩm định lại và phải nộp chi phí thẩm định. Nhưng hết thời gian nói trên anh T không nộp đơn yêu cầu xem xét thẩm định và cũng không nộp tiền chi phí thẩm định lại. Tại phiên tòa chị Q xác định giá trị còn lại 20.000.000 đồng, thấp hơn giá thỏa thuận ban đầu tại biên bản thẩm định là có lợi cho anh T. Do đó, chấp nhận chia đôi giá trị sửa chữa căn nhà là 20.000.000 đồng là phù hợp và chia đôi mỗi người được nhận 10.000.000 đồng. Hiện nay, anh T đang sống chung với bà K (mẹ ruột của anh) tại căn nhà này, do đó anh T có trách nhiệm giao phần giá trị 10.000.000đ lại cho chị Q là phù hợp.

* Đối với yêu cầu phản tố của anh Đoàn Văn T yêu cầu chia các tài sản chung và đòi tài sản như: Máy KUBOTA và hộp số mua của ông 2 Việt giá trị 14.300.000đ; Bình ắc quy giá 2.200.000đ; Nhà ở ấp 19/5 xã Khánh Bình giá trị nhà được định giá là 62.090.000đ; Một xe gắn máy trị giá 42.000.000đ; Tiền sửa chữa phà 10.000.000đ; Tiền thuê bến phà 8.000.000đ; Yêu cầu chị Q trả lại 01 chiếc khâu 1,5 chỉ vàng 18k, 01 chiếc lắc 3,5 chỉ vàng 18k; tổng 05 chỉ vàng 18k. Tòa án đã triệu tập họp lệ anh T để xét xử, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh T về việc yêu cầu chia đôi các tài sản và đòi lại các tài sản nêu trên.

Từ những phân tích trên xét thấy việc đặt ra yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] *Xét về chi phí tố tụng*: Quá trình tiến hành tố tụng anh T có xuất ra chi phí thẩm định và định giá là 800.000 đồng, đã thực hiện xong. Do bị đơn yêu cầu nhưng bị đơn không có mặt để xét xử và yêu cầu của bị đơn bị đình chỉ nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng là phù hợp với các Điều 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[9] *Xét về án phí*:

Chị Q phải chịu án phí 1.424.500đ (trong đó, án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 1.124.500đ (01 chỉ vàng 24k là 5.540.000đ + 2.250.000đ + 500.000đ + 3.200.000đ + 1.000.000đ +

10.000.000đ) x 5%)). Chị Q có dự nộp tạm ứng án phí 2.611.000đ (trong đó, tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ tại biên lai thu số 0004712 và tạm án phí yêu cầu chia tài sản chung 1.011.000 đồng theo biên lai thu số 0004713 ngày 10/3/2021 và 1.300.000 đồng theo biên lai thu số 0004817 ngày 29/3/2021), nay chuyển thu đối trừ, số tiền còn lại $2.611.000đ - 1.424.500đ = 1.186.500đ$ chị Q được nhận lại.

Anh T phải chịu án phí là 1.424.500đ (trong đó, án phí cấp dưỡng 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 1.124.500đ), anh T có dự nộp án phí trước là 2.875.000 đồng theo biên lai số 0004877 ngày 20/4/2021, nay chuyển thu đối trừ, số tiền tạm ứng án phí còn dư lại $2.875.000đ - 1.424.500đ = 1.450.500đ$ được sung công quỹ nhà nước, do đình chỉ yêu cầu của anh T vì anh T vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 18; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Nguyễn Kim Q và Đoàn Văn T (D).

- Về con chung: Giao cho chị Q nuôi cháu Đoàn Chí Thiện sinh ngày 24/11/2018. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ ngày 16/3/2022 cho đến khi cháu Thiện tròn 18 tuổi. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu Thiện được sống với chị Q.

Về tài sản chung: Buộc anh Đoàn Văn T (D) có trách nhiệm giao lại cho chị Q giá trị tài sản như sau: 01 chỉ vàng 24k; 2.250.000 đồng tiền tủ thờ, 500.000 đồng tiền cái giường ngủ, 3.200.000 đồng tiền đổi xe, 1 cái máy dầu bơm nước và 10.000.000 đồng tiền sửa nhà.

Anh T được nhận tài sản gồm: 01 chỉ vàng 24k, 01 tủ thờ, 01 cái giường ngủ, 01 chiếc xe Nouvosx, 01 máy dầu bơm nước và 10.000.000 đồng tiền sửa nhà.

Đình chỉ yêu cầu của anh T yêu cầu chị Q phải chia đôi các tài sản gồm: Giá trị nhà ở ấp 19/5 xã Khánh Bình, giá trị bình ắc quy, tiền mua máy chạy phà, tiền sửa phà, tiền thuê bến phà và yêu cầu đòi chị Q trả 05 chỉ vàng 18K.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 BLDS cho đến khi thi hành xong số tiền nói trên.

Về chi phí tố tụng: Anh Đoàn Văn T phải chịu chi phí tố tụng là 800.000 đồng (anh T đã dự nộp trước) đã thực hiện xong.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Q phải chịu án phí là 1.424.500đ (trong đó, án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 1.124.500đ). Chị Q có dự nộp tạm ứng án phí 2.611.000đ tại biên lai thu số 0004712; số 0004713 ngày 10.3.2021; số 0004817 ngày 29/3/2021), nay chuyển thu đổi trừ, số tiền còn lại $2.611.000đ - 1.424.500đ = 1.186.500đ$ chị Q được nhận lại.

Anh T phải chịu án phí là 1.424.500đ (trong đó, án phí cấp dưỡng 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 1.124.500đ), anh T có dự nộp án phí trước là 2.875.000 đồng theo biên lai số 0004877 ngày 20/4/2021, nay chuyển thu đổi trừ, số tiền tạm ứng án phí còn dư lại $2.875.000đ - 1.424.500đ = 1.450.500đ$ được sung công quỹ nhà nước.

3. Nguyên đơn và N, N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và bà K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền, huyện Thới Bình
- Đường sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung

